

## FINANCIAL PERFORMANCE OF TRUNG VUONG HOSPITAL, HO CHI MINH CITY IN THE PERIOD OF 2022-2024

Thai Hoang Hanh Nhung<sup>1\*</sup>, Pham Dinh Nguyen<sup>2</sup>, Nguyen Thu Ha<sup>3</sup>, Huynh Ngoc Hon<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trung Vuong Hospital - 266 Ly Thuong Kiet, Dien Hong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

<sup>2</sup>Children's Hospital 1 - 341 Su Van Hanh, Vuon Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

<sup>3</sup>Hanoi University of Public Health - 1A Duc Thang, Dong Ngac Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 02/12/2025

Revised: 10/12/2025; Accepted: 24/02/2026

### ABSTRACT

**Objective:** To describe the financial performance of Trung Vuong Hospital in Ho Chi Minh city during the period 2022-2024.

**Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted using a structured checklist to retrospectively collect secondary data from the hospital's financial statements, annual activity reports, and human resource reports for the years 2022-2024. Data were aggregated and descriptively analyzed by year and by groups of financial indicators.

**Results:** Total hospital revenue increased from 419.6 billion VND in 2022 to 556.2 billion VND in 2023 and 649.2 billion VND in 2024. Revenue from medical examination and treatment services accounted for approximately 86-90% of total revenue, with health insurance-reimbursed services representing the main revenue source at over 70%. Recurrent expenditure rose from 419.6 billion VND to 525.6 billion VND and 621.6 billion VND, primarily driven by professional activities (70-73%) and personnel-related costs (27-30%). The balance between revenue and expenditure was nearly neutral in 2022, and shifted to a surplus of around 30 billion VND in 2023 and 27 billion VND in 2024. This surplus was mainly allocated to salary reform and additional staff income, while allocations to the career development fund remained limited.

**Conclusion:** The financial performance of Trung Vuong Hospital in 2022-2024 demonstrates a trend of recovery and growth in both revenue and expenditure, with a positive revenue-expenditure balance. However, the level of accumulation for long-term investment and service development remains modest.

**Keywords:** Financial performance, revenue-expenditure balance, Trung Vuong Hospital, financial autonomy.

---

\*Corresponding author

Email: hanhnhung90@gmail.com Phone: (+84) 905788790 DOI: 10.52163/yhc.v67i2.4388

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TẠI BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2022-2024

Thái Hoàng Hạnh Nhung<sup>1\*</sup>, Phạm Đình Nguyên<sup>2</sup>, Nguyễn Thu Hà<sup>3</sup>, Huỳnh Ngọc Hớn<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Trưng Vương - 266 Lý Thường Kiệt, P. Diên Hồng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>2</sup>Bệnh viện Nhi đồng 1 - 341 Sư Vạn Hạnh, P. Vườn Lài, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>3</sup>Trường Đại học Y tế công cộng - 1A Đức Thắng, P. Đông Ngạc, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 02/12/2025

Ngày sửa: 10/12/2025; Ngày đăng: 24/02/2026

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả kết quả hoạt động tài chính tại Bệnh viện Trưng Vương thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2024.

**Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang, sử dụng bảng kiểm để thu thập số liệu từ báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết hoạt động và báo cáo nhân lực của Bệnh viện Trưng Vương trong các năm 2022-2024; số liệu được tổng hợp, phân tích mô tả theo năm và theo nhóm chi tiêu.

**Kết quả:** Tổng thu của bệnh viện tăng từ 419,6 tỷ đồng năm 2022 lên 556,2 tỷ đồng năm 2023 và 649,2 tỷ đồng năm 2024; thu từ hoạt động khám chữa bệnh chiếm khoảng 86-90% tổng thu, trong đó thu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế là nguồn thu chủ lực với tỷ trọng trên 70%. Tổng chi thường xuyên tăng từ 419,6 tỷ đồng lên 525,6 tỷ đồng và 621,6 tỷ đồng, chủ yếu cho chi chuyên môn nghiệp vụ (70-73%) và chi cho con người (27-30%). Chênh lệch thu-chi gần cân bằng năm 2022 và đạt khoảng 30 tỷ đồng năm 2023, 27 tỷ đồng năm 2024. Nguồn chênh lệch chủ yếu được sử dụng cho cải cách tiền lương và bổ sung thu nhập, trong khi quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp còn hạn chế.

**Kết luận:** Kết quả hoạt động tài chính của Bệnh viện Trưng Vương giai đoạn 2022-2024 cho thấy xu hướng phục hồi và tăng trưởng cả về thu và chi, chênh lệch thu-chi dương nhưng mức tích lũy cho đầu tư phát triển dài hạn còn khiêm tốn.

**Từ khóa:** Hoạt động tài chính, kết quả thu-chi, Bệnh viện Trưng Vương, tự chủ tài chính.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đẩy mạnh chính sách tự chủ tài chính, việc đảm bảo hiệu quả quản lý tài chính đi đôi với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế là ưu tiên hàng đầu của các bệnh viện (BV) công lập. Từ khi thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP và sau đó là Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính, các BV công lập phải chuyển đổi từ việc phụ thuộc vào nguồn tài chính là ngân sách nhà nước (NSNN) sang tự chủ tài chính một phần hoặc hoàn toàn, đòi hỏi các BV phải không ngừng tăng cường năng lực quản lý tài chính để duy trì, mở rộng hoạt động cũng như không ngừng tăng cường chất lượng các hoạt động khám, chữa bệnh (KCB) [1].

BV Trưng Vương, một BV đa khoa hạng I tại thành phố Hồ Chí Minh, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống y tế khu vực. Với quy mô 700 giường bệnh, BV Trưng Vương là đơn vị tự chủ nhóm 2 (tự đảm bảo chi thường xuyên), phụ thuộc vào các nguồn thu cơ bản từ KCB bảo hiểm y tế (BHYT), viện phí và một phần nhỏ từ NSNN. Tổng thu trung bình của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024 dao động khoảng 360-560 tỷ đồng/năm, có dấu hiệu phục hồi từ năm 2022 nhưng vẫn chưa đạt mức ổn định như kỳ vọng. BV Trưng Vương là đơn vị tự chủ tài chính nhóm 2 từ năm 2018 nhưng có mức độ tự chủ chưa cao (< 110%). Từ khi thực hiện tự chủ tài chính, nguồn thu chính của BV đến từ nguồn thu sự nghiệp, trong đó dịch vụ KCB BHYT chiếm ưu thế. BV vẫn nhận từ NSNN một phần cho hoạt động chi thường xuyên nhưng không giao tự chủ (chi cho thu nhập

tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND). Nguồn chi chiếm tỷ trọng cao nhất là chi cho chuyên môn sự nghiệp, trong đó chi cho thuốc và vật tư y tế là lớn nhất. Trong bối cảnh đó, việc tăng cường hiệu quả hoạt động tài chính của BV đóng vai trò then chốt, không chỉ giúp BV duy trì hoạt động, cân đối thu-chi, mà còn đảm bảo khả năng đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và nâng cao thu nhập cho nhân viên y tế, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ và củng cố vị thế trong hệ thống y tế [2]. Nhằm góp phần cung cấp thông tin để giúp lãnh đạo BV có những giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động tài chính của BV, bài viết này tập trung vào việc nghiên cứu thực trạng và tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính tại BV Trưng Vương trong giai đoạn 2022-2024 - một giai đoạn được xem là có nhiều biến chuyển trong việc điều hành, quản lý thu chi BV do bối cảnh thay đổi.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng số liệu định lượng thông qua hỏi cứu số liệu thứ cấp.

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 2-11 năm 2025 tại BV Trưng Vương, thành phố Hồ Chí Minh.

\*Tác giả liên hệ

**2.3. Đối tượng nghiên cứu**

Báo cáo tổng kết hoạt động, báo cáo tài chính, các văn bản, quyết định, biên bản liên quan đến công tác quản lý tài chính của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: toàn bộ các báo cáo tổng kết hoạt động, báo cáo tài chính, các văn bản, quyết định chính thức của BV trong thời gian từ 2022-2024; lựa chọn toàn bộ các báo cáo gồm cả báo cáo giấy và báo cáo điện tử của BV.

- Tiêu chuẩn loại trừ: các báo cáo dự thảo, báo cáo nhanh không chính thức.

**2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

Chọn và thu thập toàn bộ số liệu thỏa mãn các tiêu chí lựa

chọn và loại trừ được trình bày ở trên.

**2.5. Phương pháp thu thập số liệu**

Sử dụng bảng kiểm được thiết kế sẵn để thu thập các số liệu từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo chi tiết thu-chi hoạt động sự nghiệp; báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động; báo cáo tình hình tài chính, thuyết minh báo cáo tài chính; bảng thanh toán tiền lương và các khoản thu nhập khác.

**2.6. Phương pháp phân tích số liệu**

Nhập liệu và phân tích số liệu trên phần mềm Microsoft Excel. Tiến hành tính tổng, tỷ trọng (%) và tỷ lệ chênh lệch giữa 2 năm (%). Chỉ số và tiêu chí đánh giá được trình bày trong bảng 1.

**Bảng 1. Các chỉ số và tiêu chí đánh giá**

Chỉ số	Phương pháp tính	Tiêu chí đánh giá
<b>Hoạt động thu</b>		
Trung bình thu/giường bệnh kế hoạch/năm	Tổng thu trong năm/tổng số giường bệnh kế hoạch	Tăng
Trung bình thu/giường bệnh thực kê/năm	Tổng thu trong năm/tổng số giường bệnh thực kê	Tăng
Tổng thu/dự toán thu	Tổng thu so với dự toán thu	Cao hơn hoặc bằng
<b>Hoạt động chi</b>		
Trung bình chi dịch vụ công cộng cho 1 giường bệnh thực kê/năm	Tổng chi dịch vụ công cộng trong năm/tổng số giường bệnh thực kê	Tăng không quá 10%/năm*
Tổng chi/dự toán chi	Tổng chi so với dự toán chi	Thấp hơn hoặc bằng
<b>Kết quả hoạt động tài chính</b>		
Chênh lệch thu chi	Tổng thu - tổng chi	Tăng
Tỷ lệ hoàn thành dự toán thu sự nghiệp	(Tổng số tiền thực hiện/tổng số tiền dự toán)*100	Bằng hoặc cao hơn dự toán
Trung bình thu nhập cho 1 cán bộ viên chức/tháng (bao gồm thu nhập từ lương, phụ cấp, thường, thu nhập từ hoạt động dịch vụ)	Tổng thu nhập trong năm/12 tháng/tổng số cán bộ viên chức	Tăng
Trung bình trích lập các quỹ/thu sự nghiệp/năm	Tổng số tiền trích lập các quỹ/tổng thu sự nghiệp	Tăng
Trung bình trích lập các quỹ/giường bệnh thực kê/năm	Tổng số tiền trích lập các quỹ trong năm/tổng số giường bệnh thực kê	Tăng

\*: Căn cứ Thông tư 88/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính, tại Điều 4 quy định các đơn vị phải xác định mức tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương.

**2.7. Đạo đức nghiên cứu**

Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y tế Công cộng phê duyệt, số 191/2025/YTCC-HD3, ngày 09/5/2025 và được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo BV Trưng Vương trong việc thu thập, phân tích, báo cáo phục vụ mục đích nghiên cứu.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Một số thông tin về tình hình KCB**

**Bảng 2. Một số chỉ tiêu hoạt động KCB của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số lượng	Số lượng	Chênh lệch so với năm 2022	Số lượng	Chênh lệch so với năm 2023
Số giường thực kê	758	758	0	769	1,5%
Số lượt KCB	473.558	584.573	23,4%	709.928	21,4%
KCB BHYT	418.497	540.157	29,1%	658.241	21,9%
Số lượt điều trị nội trú	34.238	28.647	-16,3%	32.711	14,2%

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số lượng	Số lượng	Chênh lệch so với năm 2022	Số lượng	Chênh lệch so với năm 2023
Lượt nội trú BHYT	29.875	24.996	-16,3%	29.212	16,9%
Công suất giường bệnh	62,4%	78,91%	26,4%	90,6%	14,8%
Số ngày điều trị nội trú	159.542	201.618	26,4%	231.414	14,8%
Số ngày điều trị nội trú BHYT	139.211	175.922	26,4%	206.660	17,5%
Số ngày điều trị trung bình	4,7	7,0	48,9%	7,1	1,43%

Bảng 2 cho thấy trong giai đoạn 2022-2024, tổng số lượt khám bệnh ngoại trú tại BV Trưng Vương tăng từ 473.558 lượt năm 2022 lên 709.928 lượt năm 2024, cho thấy nhu cầu KCB tại BV phục hồi và gia tăng sau dịch COVID-19. Lượt khám BHYT chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượt khám, phản ánh rõ vai trò của BV trong cung ứng dịch vụ KCB cho người có thẻ BHYT.

Số lượt điều trị nội trú, tổng số ngày điều trị và công suất sử dụng giường bệnh đều tăng qua các năm, công suất giường kế hoạch tăng từ 62,4% năm 2022 lên 90,6% năm 2024, thể hiện mức độ khai thác giường bệnh ngày càng cao. Những thay đổi này tạo nền tảng cho sự tăng trưởng về nguồn thu từ hoạt động KCB của BV.

### 3.2. Kết quả hoạt động thu

**Bảng 3. Tổng thu của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
1. Thu thường xuyên giao tự chủ	367.693	504.330	37,1%	560.743	11,2%
<i>Thu hoạt động KCB</i>	352.927	486.366	37,8%	540.530	11,1%
<i>Thu hoạt động dịch vụ khác</i>	14.766	17.964	21,7%	20.213	12,5%
2. Thu thường xuyên nhưng không giao tự chủ*	29.420	43.408	47,6%	88.115	102,9%
3. Thu không thường xuyên (NSNN cấp cho hoạt động chống dịch)	22.483	8.440	-62,5%	318	-96,23%
<i>Thu khác</i>	0	0	-	318	-
<b>Tổng thu (1) + (2) + (3)</b>	<b>419.596</b>	<b>556.177</b>	<b>32,6%</b>	<b>649.176</b>	<b>16,7%</b>

Ghi chú: \*NSNN cấp cho chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND [3]; - Không áp dụng.

Bảng 3 cho thấy tổng thu của BV tăng rõ rệt trong giai đoạn nghiên cứu, từ 419,6 tỷ đồng năm 2022 lên 556,2 tỷ đồng năm 2023 và 649,2 tỷ đồng năm 2024, mức tăng tương ứng khoảng 32,6% và 16,7% giữa các năm. Về cơ cấu, nguồn thu thường xuyên (bao gồm thu từ hoạt động KCB và từ hoạt động dịch vụ) chiếm tỷ trọng chủ yếu, trong đó thu từ hoạt động KCB là trụ cột chính với tỷ lệ khoảng 83-87% tổng thu của BV. Thu thường xuyên nhưng không giao tự chủ là khoản thu từ NSNN cấp để chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND, nguồn thu này tăng mạnh trong giai đoạn 2022-2024 từ 29,4 tỷ lên 88,1 tỷ. Thu không thường xuyên từ NSNN chủ yếu là là kinh phí chống dịch COVID-19, giảm rất mạnh từ 22,5 tỷ đồng năm 2022 xuống 3,6 tỷ đồng năm 2023 và không còn trong năm 2024.

**Bảng 4. Cơ cấu nguồn thu thường xuyên của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
1. Thu hoạt động KCB	352.927	486.366	37,8%	540.530	11,1%
<i>Thu KCB người bệnh có thẻ BHYT</i>	259.097	365.353	41,0%	414.258	13,4%
<i>KCB theo yêu cầu</i>	57.890	87.016	50,3%	92.605	6,4%
<i>KCB người bệnh không có BHYT</i>	35.941	33.997	-5,4%	33.667	-1,0%
2. Thu hoạt động dịch vụ	14.766	17.964	21,7%	20.213	12,5%
<b>Tổng thu thường xuyên giao tự chủ (1)+(2)</b>	<b>367.693</b>	<b>504.330</b>	<b>37,2%</b>	<b>560.743</b>	<b>11,19%</b>

Bảng 4 mô tả chi tiết nguồn thu thường xuyên tại BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024. Thu KCB cho người bệnh có thẻ BHYT là nguồn thu chủ đạo, tăng từ 259,1 tỷ đồng (73% thu KCB) năm 2022 lên 365,4 tỷ đồng (91%) năm 2023 và 414,3 tỷ đồng (92%) năm 2024; BV đánh giá đây là nguồn thu rất quan trọng nhưng cũng làm tăng mức độ phụ thuộc vào cơ chế thanh toán, quyết toán của cơ quan Bảo hiểm xã hội. Thu KCB cho người bệnh không có thẻ BHYT dao động quanh mức 33-36 tỷ đồng và có xu hướng giảm nhẹ, chủ yếu do tỷ lệ bao phủ BHYT ngày càng cao và một phần chi phí ngoài phạm vi chi trả được chuyển sang thanh toán qua BHYT. Thu KCB theo yêu cầu tăng từ 57,9 lên 92,6 tỷ đồng, chiếm khoảng 16,4-20,7% tổng thu KCB, gắn với việc BV đầu tư khu khám, điều trị theo yêu cầu, phát triển kỹ thuật cao. Thu từ các hoạt động dịch vụ khác (nhà thuốc, căn-tin, giữ xe, lãi tiền gửi tiết kiệm, cho thuê mặt bằng, các dịch vụ hỗ trợ nhỏ...) tuy giá trị tuyệt đối không lớn nhưng đa dạng, góp phần bù đắp một phần chi phí hành chính.

**Bảng 5. Cơ cấu thu hoạt động KCB phân theo nội, ngoại trú tại BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
<b>Ngoại trú</b>	<b>134.798</b>	<b>172.910</b>	<b>28,3%</b>	<b>196.936</b>	<b>13,9%</b>
<i>Thu ngoại trú trung bình/lượt</i>	<i>0,284</i>	<i>0,296</i>	<i>3,9%</i>	<i>0,277</i>	<i>-6,4%</i>
Thu KCB người bệnh có thẻ BHYT và không có thẻ BHYT*	106.583	132.239	24,1%	149.085	12,7%
Thu KCB theo yêu cầu	28.215	34.475	22,2%	47.851	38,8%
<b>Nội trú</b>	<b>218.129</b>	<b>313.456</b>	<b>43,7%</b>	<b>343.595</b>	<b>9,6%</b>
<i>Thu nội trú/lượt nội trú</i>	<i>6,37</i>	<i>10,94</i>	<i>71,8%</i>	<i>10,50</i>	<i>-4,0%</i>
<i>Thu nội trú/ngày điều trị nội trú</i>	<i>1,37</i>	<i>1,55</i>	<i>13,7%</i>	<i>1,48</i>	<i>-4,5%</i>
Thu KCB người bệnh có thẻ BHYT và không có thẻ BHYT*	188.454	267.111	41,7%	298.840	11,9%
Thu KCB theo yêu cầu	29.675	46.345	56,2%	44.755	-3,4%
<b>Tổng thu hoạt động KCB</b>	<b>352.927</b>	<b>486.366</b>	<b>37,8%</b>	<b>540.530</b>	<b>11,1%</b>

\*: Thu theo giá quy định của Nhà nước.

Bảng 5 cho thấy thu hoạt động KCB giai đoạn 2022-2024 ở 2 loại hình nội trú và ngoại trú đều tăng. Thu ngoại trú chiếm 36,6% tổng thu KCB trong giai đoạn 2022-2024. Thu trung bình 1 lượt ngoại trú giảm nhẹ, từ 284.000 đồng xuống 277.000 đồng trong khi tổng thu tăng từ 134,8 tỷ lên 196,9 tỷ trong giai đoạn 2022-2024. Thu nội trú chiếm tỷ trọng chính trong tổng thu KCB trong giai đoạn 2022-2024 (63,4%). Tổng thu nội trú tăng từ 218,1 tỷ lên 343,6 tỷ, thu nội trú trung bình/ngày điều trị tăng nhẹ từ 1,37 triệu lên 1,48 triệu.

### 3.3. Kết quả hoạt động chi

**Bảng 6. Cơ cấu hoạt động chi của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
<b>1. Chi thường xuyên giao tự chủ</b>	<b>367.693</b>	<b>473.702</b>	<b>28,8%</b>	<b>533.160</b>	<b>12,6%</b>
Chi cho con người	107.432	126.369	17,6%	142.852	13,0%
Chi cho chuyên môn nghiệp vụ	260.261	347.334	33,5%	390.307	12,4%
<b>2. Chi thường xuyên không giao tự chủ*</b>	<b>29.420</b>	<b>43.408</b>	<b>47,6%</b>	<b>88.115</b>	<b>103,0%</b>
<b>3. Chi không thường xuyên</b>	<b>22.483</b>	<b>8.440</b>	<b>-62,5%</b>	<b>318</b>	<b>-96,2%</b>
Hoạt động chống dịch	7.949	0	-	0	-
Tiền lương	1.126	0	-	0	-
Phụ cấp	6.559	0	-	0	-
Các khoản đóng góp	264	0	-	0	-
Chi phí khác phục vụ người bệnh	14.534	3.682	-	0	-
Sửa chữa cơ sở vật chất + mua thiết bị y tế	0	4.758	-	0	-

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
Chi khác	0	0	-	318	-
<b>Tổng chi (1) + (2) + (3)</b>	<b>419.596</b>	<b>525.550</b>	<b>25,3%</b>	<b>621.593</b>	<b>18,3%</b>

\*: Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND từ nguồn ngân sách cấp; - Không áp dụng.

Bảng 6 cho thấy tổng chi của BV tăng từ 419,6 tỷ đồng năm 2022 lên 525,6 tỷ đồng năm 2023 và 621,6 tỷ đồng năm 2024, với mức tăng lần lượt khoảng 25,3% và 18,3% giữa các năm. Về cơ cấu chi, chi thường xuyên giao tự chủ (bao gồm chi cho con người và chi cho chuyên môn nghiệp vụ) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi và tăng dần qua các năm, từ 367,7 tỷ đồng năm 2022 lên 473,7 tỷ đồng năm 2023 và 533,2 tỷ đồng năm 2024. Trong nhóm này, chi cho con người chiếm khoảng 27-30% và chi cho chuyên môn nghiệp vụ chiếm khoảng 70-73% tổng chi thường xuyên, phù hợp với đặc thù BV đa khoa hạng I với khối lượng hoạt động chuyên môn lớn. Chi thường xuyên không giao tự chủ (khoản chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ- HĐND do NSNN cấp) tăng nhanh từ 29,4 tỷ đồng năm 2022 lên 43,4 tỷ đồng năm 2023 và 88,1 tỷ đồng năm 2024, phản ánh việc BV còn phụ thuộc nhiều vào nguồn cấp bù từ NSNN. Chi không thường xuyên giảm mạnh từ 22,5 tỷ đồng năm 2022 xuống 8,4 tỷ đồng năm 2023 và gần như không còn đáng kể năm 2024, chủ yếu do các nhiệm vụ chi chống dịch đã kết thúc, chỉ còn một phần nhỏ chi khác (kinh phí hỗ trợ hộ nghèo) phát sinh.

**Bảng 7. Chi tiết các mục chi cho con người tại BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
<b>Trong nhóm chi thường xuyên giao tự chủ</b>	<b>107.432</b>	<b>126.369</b>	<b>17,63%</b>	<b>142.852</b>	<b>13,04%</b>
Lương	29.558	41.525	40,49%	53.529	28,91%
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	18.934	13.360	-29,44%	10.492	-21,47%
Phụ cấp lương	32.198	37.440	16,28%	41.477	10,78%
Các khoản đóng góp	10.307	12.036	16,78%	14.113	17,26%
Các khoản thanh toán cho cá nhân	1.812	2.410	33,00%	1.979	-17,88%
Tiền công hoạt động dịch vụ	14.622	19.599	34,03%	21.262	8,49%
<b>Trong nhóm chi thường xuyên không giao tự chủ*</b>	<b>29.420</b>	<b>43.408</b>	<b>47,55%</b>	<b>88.115</b>	<b>103,0%</b>
<b>Tổng chi cho con người</b>	<b>136.852</b>	<b>169.777</b>	<b>24,06%</b>	<b>230.967</b>	<b>36,04%</b>

\*: Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND từ nguồn NSNN cấp.

Bảng 7 cho thấy chi cho con người tăng mạnh và liên tục qua giai đoạn 2022-2024. Tổng chi cho con người tăng từ 136,8 tỷ đồng năm 2022 lên 231 tỷ đồng năm 2024 (tăng 36,04% so với năm 2023).

Trong cơ cấu chi, tiền lương chiếm tỷ trọng cao nhất và có tốc độ tăng nhanh nhất, tăng gần 81% sau 2 năm (từ 29,56 tỷ đồng lên 53,53 tỷ đồng). Phụ cấp lương là khoản chi lớn thứ hai. Các khoản đóng góp bắt buộc (bảo hiểm xã hội, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp) tăng đều theo mức lương cơ sở, từ 10,3 tỷ (2022) lên 14,1 tỷ đồng (2024).

**Bảng 8. Chi tiết các mục chi cho chuyên môn nghiệp vụ**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
Chi mua hàng hóa, vật tư y tế dùng cho chuyên môn	219.197	297.288	35,6%	347.116	16,8%
Chi quản lý hành chính	22.378	25.349	13,3%	24.076	-5,0%
Dịch vụ công cộng	13.879	14.471	4,3%	14.437	-0,2%
Chi phí thuê mướn (vệ sinh công cộng, bảo vệ)	6.856	8.697	26,9%	7.780	-10,5%
Vật tư văn phòng	1.508	2.022	34,1%	1.621	-19,8%
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	135	159	17,8%	238	49,7%
Chi sửa chữa, bảo dưỡng	7.763	12.753	64,3%	12.969	1,7%

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình	7.763	12.753	64,3%	12.969	1,7%
<b>Chi khác</b>	<b>10.924</b>	<b>11.943</b>	<b>9,3%</b>	<b>6.146</b>	<b>-48,5%</b>
Nộp thuế hoạt động dịch vụ	1.469	2.160	47,0%	2.283	5,7%
Chi phí khác	9.455	9.783	3,5%	3.863	-60,5%
<b>Tổng</b>	<b>260.261</b>	<b>347.334</b>	<b>33,5%</b>	<b>390.307</b>	<b>12,4%</b>
Trung bình chi/giường bệnh thực kê	18,31	19,09	4,3%	18,77	-1,7%

Bảng 8 cho thấy tổng chi quản lý hành chính, cho chuyên môn nghiệp vụ, sửa chữa-bảo dưỡng và chi khác tăng đều qua giai đoạn 2022-2024, tăng từ 260,3 tỷ đồng năm 2022 lên 390,3 tỷ đồng năm 2024. Trong đó, chi mua hàng hóa, vật tư y tế dùng cho chuyên môn (bao gồm chi cho thuốc, vật tư tiêu hao, hóa chất, phim, dụng cụ chuyên môn và máu) chiếm tỷ trọng cao nhất, dao động từ 84-89% nhóm chi này và là nhóm tăng nhanh nhất - từ 219,20 tỷ đồng năm 2022 lên 347,12 tỷ đồng năm 2024 (tăng 58,4% sau 2 năm). Chi dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, và công tác phí đều có xu hướng tăng ổn định. Trong đó chi dịch vụ công cộng tuy tăng nhưng chiếm tỷ trọng giảm dần trong tổng chi (từ 5,3% xuống 3,7%). Tương tự, chi vật tư văn phòng cũng tăng nhưng chiếm tỷ trọng không đổi ở năm 2023 (khoảng 0,58%) và giảm vào năm 2024 (khoảng 0,42%). Đặc biệt, chi cho thông tin, tuyên truyền, liên lạc tăng liên tục (từ 135 triệu đồng lên 238 triệu đồng, tương ứng tăng 49,7%).

3.4. Kết quả chênh lệch thu-chi và trích lập các quỹ

**Bảng 9. Kết quả hoạt động tài chính và trích lập các quỹ của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Tổng thu	419.596	556.177	-	649.176	-
Tổng chi	419.596	525.550	-	621.593	-
Chênh lệch thu-chi	0	30.627	-	27.583	-
Quỹ cải cách tiền lương	0	12.251	40%	14.490	52,53%
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	0	4.594	15%	3.273	11,87%
Quỹ bổ sung thu nhập	0	11.945	39%	8.510	30,85%
Quỹ khen thưởng	0	919	3%	655	2,37%
Quỹ phúc lợi	0	919	3%	655	2,37%

-: Không áp dụng.

Bảng 9 cho thấy năm 2022 BV không có chênh lệch thu-chi. Từ năm 2023, chênh lệch thu-chi đạt 30,6 tỷ đồng, và năm 2024 đạt 27,6 tỷ đồng. Phần chênh lệch này được phân phối vào các quỹ theo quy định, gồm: quỹ cải cách tiền lương chiếm tỷ trọng cao nhất (40% năm 2023 và 52,53% năm 2024); quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (15% năm 2023 nhưng giảm còn 11,87% năm 2024); quỹ ổn định thu nhập duy trì ở mức cao (39% năm 2023 và 30,85% năm 2024); hai quỹ khen thưởng và phúc lợi (đều ở mức 3% năm 2023 và 2,37% năm 2024).

**Bảng 10. Tình hình thu nhập của cán bộ viên chức tại BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
<b>Tổng thu nhập của cán bộ viên chức</b>	<b>146.463</b>	<b>175.717</b>	<b>19,9%</b>	<b>235.824</b>	<b>34,2%</b>
Lương và phụ cấp	88.376	92.324	4,5%	105.498	14,3%
Thu nhập tăng thêm	41.653	61.384	47,4%	106.650	73,7%
<i>Từ NSNN cấp</i>	29.420	43.408	47,6%	88.115	102,9%
<i>Tiền công hoạt động dịch vụ</i>	14.622	19.599	34,0%	21.262	8,5%
<i>Từ quỹ cải cách tiền lương</i>	1.890	10.342	447,2%	16.399	58,6%

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2022	Số tiền	Chênh lệch so với năm 2023
Từ quỹ bổ sung thu nhập	10.343	7.634	-26,2%	2.136	-72,0%
Khác	1.812	2.410	33,0%	2.414	-0,1%
<b>Bình quân thu nhập hàng tháng/nhân viên y tế</b>	<b>14,60</b>	<b>17,11</b>	<b>17,2%</b>	<b>21,13</b>	<b>23,5%</b>

Bảng 10 tóm tắt tổng thu nhập của cán bộ viên chức tăng từ 146,5 tỷ năm 2022 lên 235,8 tỷ năm 2024. Tương tự như đã trình bày trong bảng 7, lương và phụ cấp chiếm tỷ trọng chính trong tổng thu nhập của cán bộ viên chức, và có sự gia tăng nhanh trong giai đoạn là do tăng lương cơ sở. Bên cạnh đó, chi thu nhập tăng thêm tăng cũng khá nhanh, nhờ vào phân bổ NSNN theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND và thêm vào đó là công hoạt động dịch vụ. Về thu nhập, bình quân thu nhập hàng tháng của 1 người tăng từ 14,6 triệu đồng năm 2022 lên 21,13 triệu đồng năm 2024.

**Bảng 11. Tình hình thực hiện dự toán tại BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Thực hiện dự toán	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện
Dự toán thu sự nghiệp	345.782	367.693 (106,34%)	421.258	504.330 (119,72%)	468.105	560.743 (119,79%)
Dự toán chi sự nghiệp	401.455	367.693 (91,59%)	476.919	473.702 (99,33%)	468.105	533.160 (113,90%)

Bảng 11 cho thấy tình hình thực hiện dự toán trong giai đoạn 2022-2024. Tổng thu sự nghiệp của BV hằng năm đều vượt dự toán, năm 2023 và 2024 mức vượt dự toán là 119%.

Về chi sự nghiệp, năm 2022 BV chi thấp hơn dự toán, sang năm 2023 đạt gần mức kế hoạch và đến năm 2024 phát sinh vượt chi, chủ yếu vì tăng lương cơ sở và tăng chi đầu tư trang thiết bị, sửa chữa lớn.

**4. BÀN LUẬN**

**4.1. Kết quả hoạt động thu**

Tổng thu của BV Trưng Vương giai đoạn 2022-2024 phục hồi mạnh sau đại dịch, năm 2024 cao gấp 1,5 lần so với năm 2022, nhưng tốc độ tăng đã dần ổn định: năm 2023 tăng 32,55% rồi giảm còn 16,72% năm 2024, tương đồng với xu hướng tại BV Đa khoa Cầu Ngang và BV Đa khoa Anh Quất khi tăng trưởng bùng nổ ngay sau dịch rồi chững lại [4-5]. Nguồn thu trụ cột vẫn là hoạt động KCB, trong đó KCB BHYT chiếm 73-76% tổng thu và trên 70% cơ cấu thu KCB - tỷ lệ tương đồng nhiều BV công khác [4-6]. Điều này giúp nguồn thu tương đối ổn định nhưng cũng làm cho tài chính BV nhạy cảm với thay đổi chính sách thanh toán, quy định thông tuyến, danh mục kỹ thuật, giá BHYT và chất lượng phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội [6-7]. Số lượt khám, đặc biệt là ngoại trú, tăng nhanh nhưng doanh thu bình quân mỗi lượt khám ngoại trú có xu hướng giảm, cho thấy nếu không kiểm soát tốt chi phí ngoài phạm vi BHYT, tăng sản lượng chưa chắc cải thiện hiệu quả tài chính [8].

Bên cạnh đó, nguồn thu KCB theo yêu cầu chiếm 16,4-20,7% và tăng đều qua các năm, phản ánh nhu cầu sử dụng dịch vụ chất lượng cao tại đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh, song cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát để không làm mất cân đối với nhiệm vụ KCB BHYT, tránh ưu tiên quá mức khu dịch vụ theo yêu cầu [8]. Thu từ NSNN cho thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù Nghị quyết 98/2023/QH15 và Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND tăng rất nhanh, từ 29,4 tỷ đồng năm 2022 lên 88,1 tỷ đồng năm 2024, góp phần cải thiện thu nhập cán bộ viên chức nhưng phụ thuộc gần như hoàn toàn vào quyết định phân bổ ngân sách hằng năm, làm giảm tính chủ động của BV trong các kế hoạch dài hạn [3], [9]. Ngược lại, các khoản thu không thường xuyên từ NSNN, nhất là kinh phí chống dịch COVID-19, giảm mạnh và gần như không còn vào năm 2024, cho thấy cơ cấu thu đang dần chuyển từ “nguồn

hỗ trợ chống dịch” sang dựa trên hoạt động chuyên môn thường quy [10].

**4.2. Kết quả hoạt động chi**

Tổng chi thường xuyên tăng từ 419,6 tỷ đồng năm 2022 lên 621,6 tỷ đồng năm 2024, trong đó chi cho chuyên môn nghiệp vụ chiếm 70-73%, chi cho con người khoảng 27-30%, phù hợp với xu thế mở rộng KCB sau dịch và tương đồng mặt bằng các BV công tuyến tỉnh, thành phố [4-5], [10]. Chi mua thuốc, vật tư, hóa chất, phim chụp và vật tư tiêu hao chiếm tới 84-89% nhóm chi chuyên môn, cao hơn một số nghiên cứu tại các BV quy mô nhỏ hơn, đặt ra yêu cầu siết chặt quản lý đầu thầu, định mức tiêu hao và chỉ định chuyên môn để hạn chế lãng phí [4], [11]. Chi cho con người tăng nhanh do điều chỉnh lương cơ sở theo Nghị định 24/2023. Nhiều tác giả khuyến nghị BV cần theo dõi sát các chỉ số như chi nhân sự/lượt khám, chi lương/ngày điều trị để bảo đảm “tự chủ tài chính” không chỉ dừng ở tăng thu mà còn là chi đúng, chi hiệu quả [10], [12].

**4.3. Chênh lệch thu-chi**

Kết quả chênh lệch thu-chi của BV Trưng Vương năm 2023 đạt 30,6 tỷ đồng và năm 2024 là 27,6 tỷ đồng, đủ để trích lập các quỹ, nhưng vẫn ở mức khiêm tốn so với quy mô hoạt động. Phần lớn chênh lệch được ưu tiên cho quỹ cải cách tiền lương và quỹ bổ sung thu nhập; tỷ trọng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp giảm từ 15% xuống 11,9%, cho thấy nguồn đầu tư chuyên môn còn hạn chế. Thu nhập bình quân của cán bộ viên chức tăng dần từ 14,6 lên 21,1 triệu đồng/tháng, cao hơn mức bình quân chung ngành y tế công lập nhưng sự cải thiện chủ yếu nhờ điều chỉnh chính sách lương và hỗ trợ đặc thù hơn là do BV tự tạo ra nguồn lực mới [4], [13]. Nhìn chung, BV đã phục hồi được cân đối tài chính sau đại dịch, nhưng vẫn đối mặt thách thức lớn về đa dạng hóa nguồn thu, giảm phụ thuộc BHYT và NSNN, đồng thời kiểm soát chặt chi phí nhân sự và chi chuyên môn để bảo đảm phát triển bền vững trong bối cảnh tự chủ tài chính.

**5. KẾT LUẬN**

Giai đoạn 2022-2024, kết quả hoạt động tài chính tại BV Trưng Vương cho thấy tổng thu và tổng chi đều tăng, trong đó thu từ hoạt động KCB, đặc biệt là KCB BHYT, giữ vai trò nguồn thu chủ lực. Cơ cấu chi tập trung vào chi chuyên môn nghiệp vụ và chi cho con người, phản ánh đúng đặc điểm BV đa khoa hạng I đang mở rộng hoạt động chuyên môn và cải thiện chế độ cho nhân viên y tế.

Chênh lệch thu-chi dương trong 2 năm 2023-2024 cho thấy BV bảo đảm được cân đối tài chính, song mức chênh lệch so với quy mô hoạt động còn khiêm tốn, dẫn đến khả năng trích lập cho quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chưa cao. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để BV tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý tài chính, tăng cường hiệu quả thu-chi và xây dựng các kế hoạch tài chính phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyen T.H, Pham Q.H, Le T.T. The role of financial autonomy in improving public hospital performance in Vietnam. *Vietnam Journal Public Health*, 2020, 10 (3): 45-53.
- [2] Bộ Y tế. Báo cáo tổng kết về cơ chế tự chủ tài chính trong bệnh viện công lập tại Việt Nam, 2019.
- [3] Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 Quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, 2023.
- [4] Dương Trung Hiếu. Thu-chi tài chính của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2023 và một số yếu tố ảnh hưởng. Luận văn thạc sỹ quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, 2024.
- [5] Nguyễn Thế Quát. Kết quả hoạt động tài chính và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện Đa khoa Anh Quát, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023. Luận văn chuyên khoa II tổ chức quản lý y tế, Trường Đại học Y tế công cộng, 2024.
- [6] Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Khắc Vui. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: Trường hợp của Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn giai đoạn 2018-2020. *Tạp chí Y học cộng đồng*, 2023, 64 (4): 40-45. doi: 10.52163/yhc.v64i4.728.
- [7] Nguyễn Xuân Tuyên. Kết quả và một số thuận lợi, khó khăn trong thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 và cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021-2023. Trường Đại học Y tế công cộng, 2024.
- [8] Giang L.T, Pham T.H.T et al. Healthcare services utilisation and financial burden among Vietnamese older people and their households. *Int J Environ Res Public Health*, 2023, 20 (12): 6097. doi: 10.3390/ijerph20126097.
- [9] Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024, 2025, tr. 2.
- [10] Trần Lý Văn Dân. Kết quả hoạt động thu-chi tài chính và một số yếu tố ảnh hưởng tại Trung tâm Y tế huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2020-2022. Luận văn chuyên khoa II tổ chức quản lý y tế, Trường Đại học Y tế công cộng, 2023.
- [11] Nguyễn Toàn Thắng. Kết quả hoạt động tài chính và một số ảnh hưởng tại khu điều trị theo yêu cầu, Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang giai đoạn 2015-2021. Trường Đại học Y tế công cộng, 2022.
- [12] Nguyễn Phương Nga. Quản lý nhà nước về tài chính y tế đối với các bệnh viện công khu vực phía Bắc. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương mại, 2025.
- [13] Quan tâm chế độ tiền lương, phụ cấp của cán bộ ngành y tế khi thực hiện chế độ tiền lương mới. Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế. [https://moh.gov.vn/tin-tong-hop/-/asset\\_publisher/k206Q9qkZOqn/content/quan-tam-che-o-tien-luong-phu-cap-cua-can-bo-nganh-y-te-khi-thuc-hien-che-o-tien-luong-moi](https://moh.gov.vn/tin-tong-hop/-/asset_publisher/k206Q9qkZOqn/content/quan-tam-che-o-tien-luong-phu-cap-cua-can-bo-nganh-y-te-khi-thuc-hien-che-o-tien-luong-moi)